

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ 2H
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ 2H

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTERNATIONAL 2H JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 2H INTERNATIONAL., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108594775

3. Ngày thành lập: 21/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 87 ngõ 193 Trung Kính, tổ 44, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
2.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
3.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
4.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
5.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
6.	Khai thác muối	0893
7.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
9.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
10.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
11.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
12.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
13.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
14.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
15.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
16.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
17.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
18.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
19.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
20.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
21.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610

22.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
23.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
25.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
26.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28.	Chuyển phát	5320
29.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
30.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
31.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
32.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
33.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
35.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
36.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
37.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
38.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
39.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
40.	Tái chế phế liệu	3830
41.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
42.	Xây dựng nhà để ở	4101
43.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
44.	Xây dựng công trình điện	4221
45.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
46.	Bán mô tô, xe máy	4541
47.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
48.	Bán buôn đồ uống	4633
49.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
50.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
52.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
53.	Bán buôn tổng hợp	4690

54.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
55.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
56.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
57.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
58.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
59.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
60.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
61.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
62.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
63.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
64.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
65.	Lập trình máy vi tính	6201
66.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
67.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
68.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
69.	Quảng cáo	7310
70.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động báo chí)	7420
71.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ hoạt động trung tâm môi giới việc làm)	7810
72.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
73.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
74.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
75.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
76.	Trồng cây lấy sợi	0116
77.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
78.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118

79.	Trồng cây hàng năm khác	0119
80.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
81.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
82.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
83.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
84.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
85.	Khai thác quặng sắt	0710
86.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
87.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
88.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
89.	Chăn nuôi gia cầm	0146
90.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
91.	In ấn	1811
92.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
93.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
94.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
95.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
96.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
97.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
98.	Phá dỡ	4311
99.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
100.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
101.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
102.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
103.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
104.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
105.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
106.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
107.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
108.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
109.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
110.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

111.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
113.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
114.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
115.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
116.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
117.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
118.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
119.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
120.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
121.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
122.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
123.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
124.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
125.	Bốc xếp hàng hóa	5224
126.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
127.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
128.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
129.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
130.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
131.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
132.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
133.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
134.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
135.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
136.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
137.	Thu gom rác thải độc hại	3812
138.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ như sách, báo, tạp chí, đĩa nhạc và video, thiết bị dụng cụ thể dục thể thao, trò chơi và đồ chơi	4789
139.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
140.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

141.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
142.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
143.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
144.	Xây dựng công trình thủy	4291
145.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
146.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
147.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
148.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
149.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
150.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
151.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
152.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
153.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy nhập internet	6190
154.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM ĐĂNG HIỀN	Số 87 ngõ 193 Trung Kính, tổ 44, phường Yên Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	105.000	1.050.000.000	35,000	013141898	
			Tổng số	105.000	1.050.000.000	35,000		

2	NGUYỄN VĂN HIẾU	Phòng A0908 CC Imperia Garden 203 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	105.000	1.050.000.000	35,000	0010860222 67	
			Tổng số	105.000	1.050.000.000	35,000		
3	PHAN THỊ NGỌC LINH	Phòng A0908 CC Imperia Garden 203 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	0081880003 90	
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM ĐĂNG HIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/08/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013141898

Ngày cấp: 19/03/2009 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 87 ngõ 193 Trung Kính, tổ 44, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 87 ngõ 193 Trung Kính, tổ 44, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội